

DANH SÁCH DỰ KIẾN TỐT NGHIỆP (XÉT LẦN 1)

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Tổng số TCTL	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
1	22609009	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	22/09/2000	Bình Phước	22LC09SP3C	151	7.18	Khá	
2	22609003	Đoàn Thị Cẩm	Thúy	Nữ	10/07/1995	Đắk Nông	22LC09SP3C	150	7.81	Khá	
3	22810007	Lê Minh	Hậu		24/09/2001	Đồng Nai	22LC10DN2	150	7.39	Khá	
4	22810074	Đào Xuân	Hương	Nữ	18/10/1997	TP. Hồ Chí Minh	22LC10LTT3	150	6.74	Khá	
5	22642079	Bùi Quốc	Phong		21/01/1996	Bình Thuận	22LC42LTT3	152	7.69	Khá	
6	22842052	Nguyễn Công	An		01/11/2000	Ninh Thuận	22LC42SP2L	152	6.60	Khá	
7	22842111	Lê Đoàn	Thuận		17/06/2000	Tiền Giang	22LC42SP2L	152	7.45	Khá	
8	22642056	Hà Văn	Khiêm		29/03/1998	Thái Bình	22LC42SP3C	152	6.69	Khá	
9	22642060	Tạ Hữu	Nam		26/01/2001	Quảng Bình	22LC42SP3C	152	6.75	Khá	
10	22642076	Trần Chí	Trung		13/03/2001	Bến Tre	22LC42SP3C	152	6.62	Khá	
11	22842126	Nguyễn Văn	Hải		01/06/2000	Hà Tĩnh	22LC42SP3L	152	6.64	Khá	
12	22843155	Phan Quốc	Dũng		16/08/2000	Đồng Nai	22LC43DN3	150	7.03	Khá	
13	22843166	Trần Đình	Khánh		11/02/2003	Đồng Nai	22LC43DN3	150	7.16	Khá	
14	22643004	Nguyễn Quốc	Cường		01/01/1999	Bình Thuận	22LC43SP2C	150	7.34	Khá	
15	22643012	Nguyễn Ngọc	Hiền		01/01/2000	Bình Định	22LC43SP2C	150	7.65	Khá	
16	22643026	Lê Hoàng	Son		15/09/2000	Đắk Lắk	22LC43SP2C	150	7.82	Khá	
17	22843105	Nguyễn Chon	Ánh		07/04/2000	Bình Thuận	22LC43SP3L	151	6.66	Khá	
18	22843200	Phan Lâm	Huy		20/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	22LC43SP3L	150	7.30	Khá	
19	22843120	Bùi Chánh	Khang		12/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	22LC43SP3L	151	6.81	Khá	
20	22843119	Trần Trung	Kiên		06/03/2001	Bình Phước	22LC43SP3L	150	6.91	Khá	
21	22845138	Trương Tuấn	Anh		19/06/2001	Đồng Nai	22LC45DN3	150	6.79	Khá	
22	22845145	Đỗ Hữu	Nam		15/04/2001	Đồng Nai	22LC45DN3	150	6.66	Khá	
23	22845148	Ngô Cao	Quyền		10/04/2003	Đồng Nai	22LC45DN3	150	6.97	Khá	
24	22845172	Nguyễn Minh	Hy		04/10/2001	Long An	22LC45LTT3	150	6.98	Khá	
25	22845055	Ngô Hồng	Nhơn		16/10/2000	An Giang	22LC45SP2L	150	7.31	Khá	
26	22845061	Nguyễn Thanh	Sang		02/05/2000	Bình Định	22LC45SP2L	150	7.17	Khá	
27	22645018	Võ	Hiệp		20/12/1999	TP. Hồ Chí Minh	22LC45SP3	150	7.00	Khá	
28	22845114	Phan Đình	Phú		15/02/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	22LC45SP3	150	6.31	Trung bình	
29	22845116	Võ Tô Tấn	Phúc		24/06/2000	Sóc Trăng	22LC45SP3	150	6.22	Trung bình	
30	22845131	Lê Văn	Thắng		29/04/2001	Nghệ An	22LC45SP3	150	6.72	Khá	
31	22845133	Lê Duy	Thoại		16/01/2001	Bình Thuận	22LC45SP3	150	6.63	Khá	
32	22646005	Nguyễn Văn Thanh	Duy		22/06/2000	Long An	22LC46SP3C	150	6.65	Khá	
33	22646015	Võ Trần Tấn	Khang		17/11/2001	Long An	22LC46SP3C	150	6.85	Khá	
34	22646034	Nguyễn Lê Hoàng	Phú		28/04/2000	Đồng Tháp	22LC46SP3C	150	6.76	Khá	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Tổng số TCTL	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
35	22847016	Trần Trung	Đức		10/06/2000	Quảng Bình	22LC47SP3L	150	7.32	Khá	
36	22847017	Dương Chí	Hải		15/04/2000	An Giang	22LC47SP3L	150	6.66	Khá	
37	22847026	Phạm Đình	Khoa		08/09/1999	Quảng Ngãi	22LC47SP3L	150	6.73	Khá	
38	22651003	Nguyễn Quang	Chung		28/01/2000	Nghệ An	22LC51SP3C	150	7.20	Khá	
39	22651013	Lê Phát	Huy		27/03/1998	Đồng Tháp	22LC51SP3C	150	6.58	Khá	
40	22861005	Cao Thái	Đồng		12/05/2002	Đồng Tháp	22LC61DN2	150	6.52	Khá	
41	22861008	Phạm Phúc	Lộc		04/05/2001	Đồng Nai	22LC61DN2	150	6.67	Khá	
42	22861046	Vũ Xuân	An		27/01/2003	Đồng Nai	22LC61DN3	150	7.13	Khá	
43	22661020	Phạm Dương Thảo	Linh	Nữ	18/10/2000	An Giang	22LC61SP3C	150	7.13	Khá	
44	22542014	Nguyễn Trung	Nghĩa		20/11/2003	Lâm Đồng	22LT42SP3	152	7.06	Khá	
45	22542023	Ngô Tấn	Thanh		05/06/1990	Bình Thuận	22LT42SP3	152	7.22	Khá	
46	22542025	Đặng Thế	Trung		14/01/1999	Hà Tĩnh	22LT42SP3	152	7.26	Khá	
47	22542027	Nguyễn Đại	Vương		01/01/1999	Nghệ An	22LT42SP3	152	7.19	Khá	
48	22543011	Phan Hoài	Nam		22/01/1999	Long An	22LT43SP3	150	6.92	Khá	
49	22543015	Hoàng Quang	Tâm		10/09/1998	Nghệ An	22LT43SP3	150	7.17	Khá	
50	22545005	Lâm Chí	Hiệp		26/12/2000	TP. Hồ Chí Minh	22LT45SP3	150	7.21	Khá	
51	22545007	Đinh Trần Minh	Kỳ		03/12/2003	TP. Hồ Chí Minh	22LT45SP3	150	7.33	Khá	
52	22545016	Nguyễn Văn	Phước		10/07/1996	An Giang	22LT45SP3	150	6.80	Khá	
53	22545023	Nguyễn Anh	Vũ		17/03/1986	TP. Hồ Chí Minh	22LT45SP3	150	7.36	Khá	
54	23804002	Lý Mạnh	Hào		22/03/2001	Đồng Nai	23LC04SP2	151	7.02	Khá	
55	23804006	Nguyễn Hoàng	Nam		24/02/2001	Bến Tre	23LC04SP2	151	7.16	Khá	
56	23804010	Nguyễn Hữu	Trí		21/04/1996	Bình Định	23LC04SP2	150	7.51	Khá	
57	23810075	Nguyễn Lưu Thành	Phúc		26/02/2004	Đồng Nai	23LC10DN2	150	7.35	Khá	
58	23810086	Phạm Ngọc Hoàng	Gia		27/03/2003	TP. Hồ Chí Minh	23LC10LTT2	150	8.03	Giỏi	
59	23810092	Trần Nguyễn Thanh	Phong		22/07/2003	TP. Hồ Chí Minh	23LC10LTT2	150	7.70	Khá	
60	23810096	Mai Trọng	Trí		22/09/2002	TP. Hồ Chí Minh	23LC10LTT2	151	7.77	Khá	
61	23810041	Nguyễn Quang	Son		09/03/2002	Cần Thơ	23LC10SP2	150	7.55	Khá	
62	23810050	Trần Lý Thuý	Tiên	Nữ	27/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	23LC10SP2	150	7.33	Khá	
63	23810051	Trần Quang	Tin		25/06/2000	Đắk Lắk	23LC10SP2	150	6.73	Khá	
64	23610010	Trần Văn	Trình		21/04/2000	Đắk Lắk	23LC10SP2	150	7.33	Khá	
65	23842075	Phạm Hoàng Đại	Dương		25/03/1988	TP. Hồ Chí Minh	23LC42COT1	152	7.46	Khá	
66	23842079	Nguyễn Tùng	Lâm		17/07/1997	Khánh Hòa	23LC42COT1	152	6.81	Khá	
67	23842260	Huỳnh Quốc	Vương		09/06/2004	Đồng Nai	23LC42DN2	152	6.73	Khá	
68	23642010	Võ Văn Hồng	Nhật		02/01/1998	Bà Rịa - Vũng Tàu	23LC42SP1C	152	6.92	Khá	
69	23642015	Nguyễn Đức	Tài		08/01/1993	TP. Hồ Chí Minh	23LC42SP1C	152	7.04	Khá	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Tổng số TCTL	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
70	23642017	Nguyễn Minh	Trí		13/11/1998	Bình Thuận	23LC42SP1C	152	7.28	Khá	
71	23842001	Trần Nguyên	Bình		03/05/1994	TP. Hồ Chí Minh	23LC42SP1L	152	6.42	Trung bình	
72	23842032	Nguyễn Đức	Thắng		21/03/2001	Ninh Thuận	23LC42SP1L	152	6.41	Trung bình	
73	23842200	Huỳnh Hoàng	Quân		13/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	23LC42SP2L	152	6.83	Khá	
74	23842292	Nguyễn Bảo	Quy		25/10/2002	Bình Thuận	23LC42SP2L	152	6.30	Trung bình	
75	23843071	Vương Thanh	Bình		25/10/1975	TP. Hồ Chí Minh	23LC43DN2	150	7.69	Khá	
76	23843137	Nguyễn Đức	Long		24/11/2000	Đồng Nai	23LC43DNC2	150	7.64	Khá	
77	23643001	Chu Văn	An		31/10/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	23LC43SP1	150	7.11	Khá	
78	23643011	Hoàng Lê	Lợi		29/09/1997	Đồng Nai	23LC43SP1	150	7.61	Khá	
79	23843011	Nguyễn Phước	Thịnh		11/05/2001	Bến Tre	23LC43SP1	150	6.92	Khá	
80	23843017	Võ Song	Toàn		22/09/2000	Đắk Lắk	23LC43SP1	150	7.27	Khá	
81	23843019	Trần Thanh	Tùng		06/10/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	23LC43SP1	150	6.77	Khá	
82	23643028	Trần Văn	Dũng		17/01/1999	Bình Thuận	23LC43SP2C	150	7.02	Khá	
83	23643030	Trần Trọng	Hiếu		28/03/2000	Lâm Đồng	23LC43SP2C	150	7.11	Khá	
84	23643048	Phan Trường	Sơn		19/05/2002	Ninh Thuận	23LC43SP2C	150	7.29	Khá	
85	23643050	Lê Văn	Thắng		02/01/2001	Bình Phước	23LC43SP2C	150	7.06	Khá	
86	23643054	Trần Quốc	Thịnh		07/04/2001	Tiền Giang	23LC43SP2C	150	7.42	Khá	
87	23843028	Bùi Đức	Giàu		29/04/2001	Long An	23LC43SP2L	150	7.01	Khá	
88	23843035	Thái Ủy	Khoa		02/10/2001	Bình Định	23LC43SP2L	150	6.96	Khá	
89	23845161	Lý Hóa	Hon		10/04/2002	Đồng Nai	23LC45DN2	150	7.06	Khá	
90	23845163	Phạm Hoàng Tuấn	Khương		16/05/2002	Đồng Nai	23LC45DN2	150	6.75	Khá	
91	23845172	Nguyễn Hữu Tuấn	Sơn		18/11/2001	Thanh Hóa	23LC45DN2	150	7.00	Khá	
92	23845179	Đinh Văn	Tiến		06/08/2003	Đồng Nai	23LC45DN2	150	6.82	Khá	
93	23845201	Nguyễn Hoàng Thế	Bảo		22/08/2002	TP. Hồ Chí Minh	23LC45LTT2	150	7.14	Khá	
94	23845182	Trương Thành	Công		22/01/2002	TP. Hồ Chí Minh	23LC45LTT2	150	7.01	Khá	
95	23645057	Nguyễn Trường	Vũ		11/01/2001	Gia Lai	23LC45LTT2	150	7.21	Khá	
96	23645007	Nguyễn Đức	Duy		05/02/1999	TP. Hồ Chí Minh	23LC45SP1	150	7.31	Khá	
97	23645018	Bá Văn	Chi		05/06/1998	Ninh Thuận	23LC45SP2C	150	7.47	Khá	
98	23645024	Nguyễn Thanh	Duy		30/04/2001	Tiền Giang	23LC45SP2C	150	7.38	Khá	
99	23645025	Trần Hải	Duy		27/05/2002	Sóc Trăng	23LC45SP2C	150	8.37	Giỏi	
100	23645038	Nguyễn Thành	Luân		01/06/2002	Bến Tre	23LC45SP2C	150	7.37	Khá	
101	23645041	Đỗ Duy	Pha		10/04/2002	Tiền Giang	23LC45SP2C	150	7.53	Khá	
102	23845110	Nguyễn Văn	Huy		22/08/1997	Quảng Bình	23LC45SP2L	150	7.36	Khá	
103	23845198	Võ Minh	Khang		15/11/2002	Bình Phước	23LC45SP2L	150	6.57	Khá	
104	23845135	Phạm Hiếu	Thắng		20/08/2002	Gia Lai	23LC45SP2L	150	6.49	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Tổng số TCTL	Điểm TB tích lũy	Xếp loại	Ghi chú
105	23845145	Nguyễn Thành	Trung		20/02/2000	Kiên Giang	23LC45SP2L	150	7.09	Khá	
106	23646019	Nguyễn Hữu	Thi		03/08/1998	Thừa Thiên Huế	23LC46SP2	150	6.98	Khá	
107	23646020	Vũ Hữu	Thọ		16/01/1997	Long An	23LC46SP2	150	6.96	Khá	
108	23646022	Nguyễn Bùi Quốc	Trí		03/03/1998	Long An	23LC46SP2	150	7.02	Khá	
109	23647010	Phan Minh	Hải		15/08/1999	TP. Hồ Chí Minh	23LC47SP2C	150	6.60	Khá	
110	23847001	Phạm Văn	Bảo		07/12/2000	Quảng Ngãi	23LC47SP2L	150	7.00	Khá	
111	23847007	Lê Trung	Dũng		26/06/1999	Ninh Bình	23LC47SP2L	150	7.01	Khá	
112	23847011	Lương Tuấn	Khang		01/05/1999	Vĩnh Long	23LC47SP2L	150	6.99	Khá	
113	23847012	Đào Công	Khanh		21/08/2002	Tiền Giang	23LC47SP2L	150	6.77	Khá	
114	23847035	Nguyễn Tuấn	Vũ		24/07/2001	Bình Định	23LC47SP2L	150	6.53	Khá	
115	23649003	Nguyễn Thành	Công		17/02/1993	TP. Hồ Chí Minh	23LC49SP2	153	7.33	Khá	
116	23849024	Nguyễn Khánh	Duy		20/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	23LC49SP2	153	7.67	Khá	
117	23851002	Lê Thanh	Dân		15/08/2001	Bình Định	23LC51SP1	150	6.67	Khá	
118	23851003	Nguyễn Công	Đức		20/12/2001	Nghệ An	23LC51SP1	150	6.38	Trung bình	
119	23651009	Võ Quốc	Huy		23/02/1995	Tiền Giang	23LC51SP1	150	7.29	Khá	
120	23651018	Lê Duy	Huy		23/07/2000	Phú Yên	23LC51SP2	151	6.92	Khá	
121	23651029	Nguyễn Vũ Kỳ	Phương		02/10/2000	Bình Thuận	23LC51SP2	150	7.27	Khá	
122	23861039	Hoàng Hải	Đăng		13/10/2001	Đồng Nai	23LC61DN2	150	7.17	Khá	
123	23861043	Phạm Chung	Kiên		14/12/1998	Hung Yên	23LC61DN2	150	7.99	Khá	
124	23861003	Lê Văn Tiến	Dũng		01/10/2001	Bình Phước	23LC61SP1	150	6.68	Khá	
125	23861005	Trần Văn	Dũng		07/09/1990	Nghệ An	23LC61SP1	150	7.31	Khá	
126	23861007	Huỳnh Tam	Nguyên		08/10/1997	Quảng Nam	23LC61SP1	150	7.02	Khá	
127	23661025	Đỗ Nguyễn Xuân	Dương		12/02/2002	Đắk Lắk	23LC61SP2C	150	6.72	Khá	
128	23661031	Nguyễn Anh	Kiệt		24/02/1997	Long An	23LC61SP2C	150	6.63	Khá	
129	23861015	Đỗ Lê Ngọc	Hải		25/03/1999	Đồng Nai	23LC61SP2L	150	7.40	Khá	
130	23861016	Nguyễn Hữu	Hoan		11/08/2002	TP. Hồ Chí Minh	23LC61SP2L	150	7.34	Khá	
131	23861019	Nguyễn Quang	Huy		14/12/1999	Vĩnh Long	23LC61SP2L	150	6.64	Khá	
132	23861020	Vũ Quốc	Huy		07/05/2001	Đồng Nai	23LC61SP2L	150	6.84	Khá	
133	24810004	Hồ Sỹ	Chiến		07/07/2004	Tây Ninh	24LC10VĐ1L	150	7.71	Khá	
134	24810011	Lê Thế	Nguyên		10/10/2004	Tiền Giang	24LC10VĐ1L	150	7.27	Khá	
135	24810012	Hoàng Hưng	Phát		19/06/2004	TP. Hồ Chí Minh	24LC10VĐ1L	150	7.22	Khá	
136	24810013	Trần Trung	Phong		20/03/2004	Bà Rịa - Vũng Tàu	24LC10VĐ1L	150	7.36	Khá	
137	24810016	Nguyễn Minh	Tâm		24/12/2003	Sóc Trăng	24LC10VĐ1L	150	7.98	Khá	